

ĐA DẠNG HỌ LAN (ORCHIDACEAE) Ở NAM BỘ VỚI GHI NHẬN MỚI MỘT LOÀI THUỘC CHI *Dendrobium* CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM

Nguyễn Minh Ty¹, Đặng Minh Quân^{2*}, Nguyễn Vinh Hiền¹, Lê Minh Dũng³, Trương Bá Vương^{4,5} và Đặng Văn Sơn^{4,5}

¹Trường Đại học Thủ Dầu Một

²Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

³Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

⁴Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

⁵Học Viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Đặng Minh Quân (email: dmquan@ctu.edu.vn)

ABSTRACT

A study on the diversity of Orchids in the Southern Viet Nam was conducted in 2018 and 2019 to assess the diversity of orchid species composition in this region. The methods were used including field investigation and sampling methods, morphological comparison method combined with looking up specialized documents on the Orchidaceae. The study results identified 324 species belonging to 84 genera. Among them, all species were used as ornamental plants; 22 species were used for medicinal herbs; and 10 species were listed for conservation in Viet Nam Red Data Book, Part II, Plants (2007); 324 species in the Decree 06/2019/ND-CP of the Government; 324 species in CITES. The life forms of Orchids were divided into groups including (1) epiphytes with 247 species, (2) terrestrials with 60 species, (3) saprophytes with 4 species, (4) lithophytes and epiphytes with 8 species, (5) epiphytes and terrestrials with 3 species, and (6) epiphytes and terrestrials with 2 species. Specifically, *Dendrobium indragiriense* Schltr. is a new record for the flora of Viet Nam, and 64 species were added to the Southern Viet Nam.

TÓM TẮT

Nghiên cứu đa dạng họ Lan (Orchidaceae) ở Nam Bộ được thực hiện trong hai năm 2018 và 2019 nhằm mục tiêu đánh giá được thực trạng đa dạng thành phần loài lan ở vùng này. Các phương pháp được sử dụng bao gồm: phương pháp điều tra thực địa và thu mẫu, phương pháp so sánh hình thái kết hợp với tra cứu các tài liệu chuyên ngành về họ Lan. Kết quả nghiên cứu đã xác định được họ Lan ở vùng nghiên cứu có 324 loài thuộc 84 chi. Trong đó, tất cả các loài đều có giá trị làm cảnh, 22 loài làm thuốc và 10 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam (2007), 324 loài trong Nghị định 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ và 324 loài trong danh lục của CITES. Dạng sống của các loài lan cũng được ghi nhận, bao gồm: 247 loài Phong lan (Epi); 60 loài Địa lan (Ter); 4 loài Lan hoại sinh (Sap); 8 loài vừa Thạch lan (Lit) và Phong lan (Epi); 3 loài vừa Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter), 2 loài vừa Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter). Đặc biệt, ghi nhận mới 1 loài là Hoàng thảo indragiri (*Dendrobium indragiriense* Schltr.) cho hệ thực vật Việt Nam và bổ sung 64 loài cho hệ thực vật Nam Bộ.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 28/01/2021

Ngày nhận bài sửa: 03/04/2021

Ngày duyệt đăng: 25/06/2021

Title:

Diversity of Orchidaceae from Southern Viet Nam with one new record of genus *Dendrobium* for the flora of Viet Nam

Từ khóa:

Ghi nhận mới, họ Lan, Hoàng thảo indragiri, Nam Bộ

Keywords:

Dendrobium indragiriense, new record, Orchidaceae, Southern Vietnam

1. MỞ ĐẦU

Nam Bộ là phần đất tận cùng ở phía nam Việt Nam, kéo dài từ phía nam của dãy Trường Sơn đến tận mũi của bán đảo Cà Mau, có tổng diện tích 63.487,85 km², có đơn vị hành chính gồm 2 thành phố và 17 tỉnh là Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bến Tre, Tiền Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau (Sterling et al., 2007; Đặng Văn Sơn, 2012). Các sinh cảnh đặc trưng ở Nam Bộ là rừng đầm lầy nước ngọt, rừng ngập mặn, đồng cỏ, rừng thường xanh và rừng rụng lá, với hệ động thực vật khá đa dạng và phong phú, trong đó có các loài lan rừng. Các nghiên cứu và ghi nhận về lan ở Nam Bộ đã được thực hiện ở các Vườn Quốc gia và Khu Bảo tồn thiên nhiên như: Vườn Quốc gia Cát Tiên có 116 loài thuộc 43 chi (Phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Bộ [SubFIPI], 2010), Vườn Quốc gia Bù Gia Mập có 46 loài thuộc 20 chi (Viện Sinh học nhiệt đới [ITB], 2010a), Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát có 28 loài thuộc 19 chi (ITB, 2010b), Vườn Quốc gia Côn Đảo có 18 loài thuộc 15 chi (Lê Xuân Ái & Trần Định Huệ, 2013), Vườn Quốc gia Phú Quốc có 125 loài thuộc 59 chi (Đặng Văn Sơn và ctv., 2017), Khu Bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu có 60 loài thuộc 28 chi (SubFIPI, 2009), Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu có 28 loài thuộc 22 chi (Luu Hồng Trường và ctv., 2012), tuy nhiên các nghiên cứu này thiếu mẫu nghiên cứu, còn sai sót về danh pháp và nhiều loài chưa được cập nhật. Trong khi đó, Nam Bộ được xem là nơi bảo tồn các loài lan quý hiếm, đặc hữu và có giá trị kinh tế cao cho khu vực phía nam Việt Nam. Do vậy, việc điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu về tính đa dạng các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) cho Nam Bộ là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng, giúp các nhà quản lý có chiến lược bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung và nguồn gene của các loài thuộc họ Lan nói riêng nhằm phục vụ công tác phát triển kinh tế xã hội ở Nam Bộ là cần thiết.

2. NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nguyên liệu

Các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được điều tra và thu thập ở Nam Bộ, Việt Nam.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Tiến hành điều tra và thu mẫu các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ngoài thực địa, địa điểm điều tra được thiết lập dựa vào đặc điểm phân bố của họ Lan (Orchidaceae), trong đó ưu tiên điều tra ở các Vườn

Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên và rừng đặc dụng như: Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu Bảo tồn thiên nhiên Vĩnh Cửu và rừng đặc dụng Tân Phú thuộc tỉnh Đồng Nai, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập và rừng đặc dụng Bù Đăng thuộc tỉnh Bình Phước, Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát thuộc tỉnh Tây Ninh, Vườn Quốc gia Côn Đảo và Khu Bảo tồn thiên nhiên Bình Châu – Phước Bửu thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang, rừng đặc dụng Núi Cấm thuộc tỉnh An Giang. Việc điều tra thu thập mẫu được tiến hành theo các tuyến vạch sẵn dựa vào bản đồ hiện trạng rừng ở địa điểm khảo sát, trong đó ưu tiên các tuyến phải đại diện và thông qua các sinh cảnh khác nhau, mỗi tuyến khảo sát cứ 10 m tỏa ra hai bên để thu mẫu, thời gian điều tra được thực hiện 16 đợt, mỗi đợt từ 7-10 ngày (từ tháng 6/2018 đến tháng 12/2019). Có tổng số 500 mẫu lan được thu thập trong quá điều tra gồm bộ mẫu sống và bộ mẫu khô/ngâm, được xử lý và chụp ảnh ngoài thực địa, và kèm theo lý lịch mẫu. Bộ mẫu sống được lưu giữ ở Vườn sưu tập lan của Trường Đại học Thủ Dầu Một và bộ mẫu khô/ngâm được lưu giữ ở Bảo tàng động thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Tên khoa học và dạng sống của các loài thuộc họ Lan được xác định theo phương pháp hình thái so sánh trên cơ sở các tài liệu công bố của Averyanov et al. (2003), Averyanov (2013), Cribb (1998), Dương Đức Huyền (2007), Gagnepain and Guillaumin (1932-1934), Nguyễn Tiên Bân và ctv. (2005) và Phạm Hoàng Hộ (2003), đồng thời đối chiếu so mẫu với bộ mẫu chuẩn được lưu giữ ở Bảo tàng thực vật thuộc Viện Sinh học nhiệt đới. Việc chỉnh sửa và cập nhật tên khoa học các loài thuộc họ Lan được tiến hành theo các công bố của Kew science (<https://wmsp.science.kew.org>) và The Plant List (2013) (<http://www.theplantlist.org/>).

Giá trị sử dụng của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được xác định dựa theo phương pháp phỏng vấn có sự tham gia của cộng đồng (PRA) và các tài liệu có liên quan như: Võ Văn Chi (2012), Phạm Hoàng Hộ (2006), Trần Hợp (1998), Đỗ Tất Lợi (2009), Nguyễn Thiện Tịch (2001). Tình trạng bảo tồn của các loài thuộc họ Lan được đánh giá theo Sách đỏ Việt Nam - Phần thực vật (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007), CITES (2019) và Nghị định 06/2019/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2019).

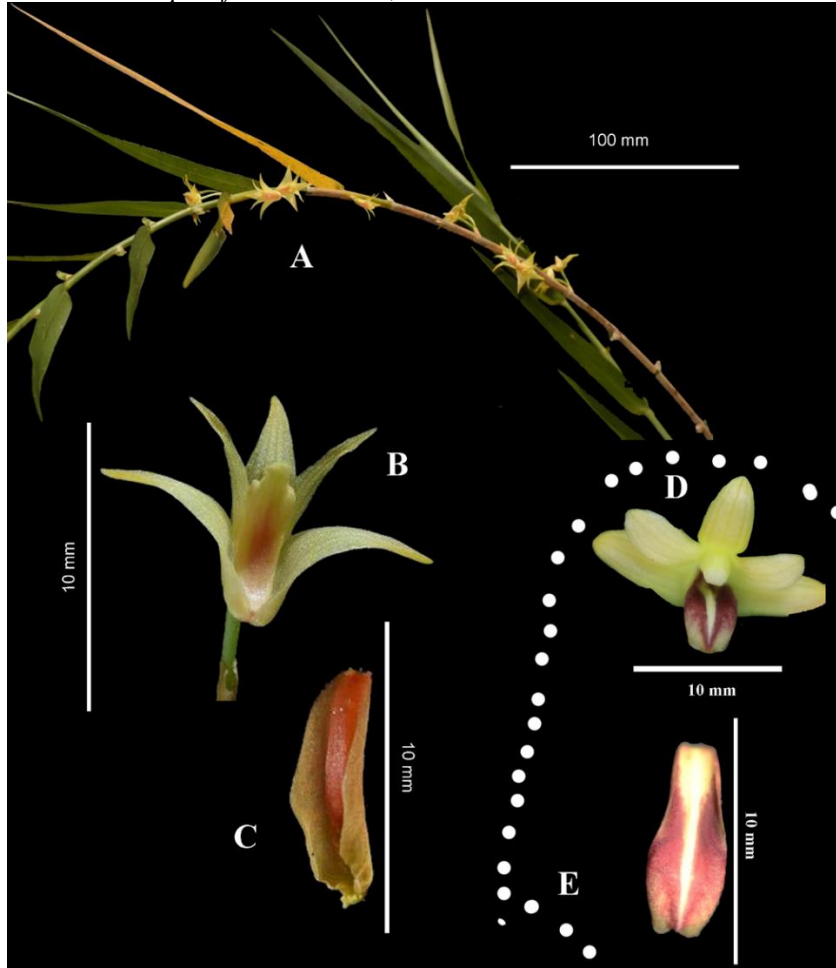
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Ghi nhận mới một loài thuộc chi *Dendrobium* cho hệ thực vật Việt Nam

Tên Việt Nam: Hoàng thảo indragiri

Tên khoa học: *Dendrobium indragiriense* Schltr., Repert. Spec. Nov. Regni Veg. 9: 164. 1911. – *Grastidium indragiriense* (Schltr.) Rauschert, Feddes Repert. 94: 450. 1983; – *Dendrobium isomerum* Schltr., Beibl. Bot. Jahrb. Syst. 104: 35. 1911; – *Dendrobium inconspicuiflorum* J.J.Sm.,

Bull. Jard. Bot. Buitenzorg, sér. 2, 25: 42. 1917; – *Grastidium isomerum* (Schltr.) Rauschert, Feddes Repert. 94: 450. 1983; – *Grastidium inconspicuiflorum* (J.J.Sm.) M.A.Clem. & D.L.Jones, Lasianthera 1: 84. 1997 (Hình 1. A–C).



Hình 1. *Dendrobium indragiriense* Schltr.

(A–C): (A) Thân mang hoa, (B) Hoa, (C) Môi hoa với thể chai màu cam (ảnh chụp bởi Lê Minh Dũng); *Dendrobium salaccense* (Blume) Lindl. (D–E): (D) Hoa, (E) Môi hoa (ảnh chụp bởi Trương Bá Vương).

Mô tả: Cây phụ sinh; thân mảnh, dài đến 1 m. Lá mọc cách thành hai hàng dọc theo thân, phiến lá dài, hẹp, kích thước 10–13 × 0,5–0,8 cm, đầu nhọn. Hoa mọc ở thân, thường từ 1–2 hoa trên một phát hoa; cuống dài khoảng 5 mm. Hoa màu vàng nhạt, môi có thể chai màu cam; lá đài giữa và bên giống nhau về kích thước, dài khoảng 7 mm, rộng khoảng 2,5 mm, lá đài giữa hình trứng hẹp có 3 vân, hai lá đài bên rộng hơn ở gốc, mọc xéo ra hai bên, đầu nhọn; cánh hoa mọc hơi xéo ra hai bên, hẹp hơn so với lá đài giữa, dài khoảng 6,5 mm, rộng khoảng 2 mm, đầu nhọn; môi hoa không phân thùy, dài khoảng 7,5

mm, phần trước cong ra ngoài, mặt trên môi từ gốc có một mảng thể chai lớn, tròn, không lông, gần như che phủ hết mặt trong môi, kéo dài lên gần đầu môi rồi dừng lại, tại điểm dừng có 3 hàng lông thưa chạy dọc tới đầu môi, phần rìa của đầu môi uốn lượn. Cột phần có hai cánh nhỏ tròn; nắp phần và phần hoa không ghi nhận được.

Sinh học và sinh thái: Cây mọc phụ sinh ở rừng thường xanh ven suối ở độ cao 450 m ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Mùa hoa vào tháng 4.

Mẫu chuẩn: Sumatra, Indrairi district, Lalah River, 04 May 1901, *Schlechter 13277* (holotype B).

Phân bố: Mới chỉ tìm thấy ở Vườn Quốc gia Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang, phía Nam Việt Nam. Ngoài ra, còn ghi nhận ở Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia và Malaysia (Karthigeyan et al., 2014).

Mẫu nghiên cứu: Việt Nam, tỉnh Kiên Giang, Vườn Quốc gia Phú Quốc, độ cao 450 m, ngày 18 tháng 11 năm 2019, *Lê Minh Dũng, Trương Bá Vương, PQ100* (VNM - Bảo tàng động thực vật, Viện Sinh học nhiệt đới).

Ghi chú: Hoàng thảo Indragiri là loài ghi nhận mới cho hệ thực vật Việt Nam và được phát hiện ở

Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Loài này có đặc điểm gần giống với loài *Dendrobium salaccense* (Bl.) Lindl. (Hình 1. D–E) về dạng thân, lá và hoa, nhưng khác với loài *D. salaccense* bởi ở môi hoa là thể chai kéo dài từ gốc đến đầu môi, trong khi đó loài *D. salaccense* không có thể chai.

3.2. Đa dạng thành phần loài

Kết quả phân tích số liệu thu được ngoài thực địa và trong phòng thí nghiệm, đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở Nam Bộ có 324 loài thuộc 84 chi, trong đó bổ sung cho Nam Bộ 64 loài (bao gồm 1 ghi nhận mới cho Việt Nam) so với các nghiên cứu trước đó (Bảng 1).

Bảng 1. Danh sách các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) bổ sung

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống
1	<i>Acampe papillosa</i> Lindl.	Bắp ngô cụm ngắn	Epi
2	<i>Agrostophyllum callosum</i> Rchb.f.	Càng cua thân dài	Epi
3	<i>Appendicula floribunda</i> (Schltr.) Schltr.	Vệ lan nhiều hoa	Lit, Epi
4	<i>Brachypeza laotica</i> (Seidenf.) Seidenf.	Lan môi sừng	Epi
5	<i>Bulbophyllum affine</i> Wall. ex Lindl.	Cầu điệp gỏi	Epi
6	<i>Bulbophyllum ayuthayense</i> J.J.Verm., Schuit. & de Vogel	Lan củ chén xiêm	Epi
7	<i>Bulbophyllum blepharistes</i> Rchb.f.	Lọng tai thỏ	Epi
8	<i>Bulbophyllum disciflorum</i> Rolfe	Ba góc đĩa	Epi
9	<i>Bulbophyllum dissitiflorum</i> Seidenf	Lọng chùm cong	Epi
10	<i>Bulbophyllum haniffii</i> Carr	Lọng chân rết	Epi
11	<i>Bulbophyllum physocoryphum</i> Seidenf.	Cầu điệp	Epi
12	<i>Bulbophyllum tenuifolium</i> (Blume) Lindl.	Cầu điệp lá nhỏ	Epi
13	<i>Bulbophyllum wallichii</i> Rchb.f.	Cầu điệp wallich	Epi
14	<i>Calanthe angustifolia</i> (Blume) Lindl.	Bầu rượu kim tân	Ter
15	<i>Calanthe clavata</i> Lindl.	Bầu rượu chùy	Ter
16	<i>Callostylis rigida</i> Blume	Ni lan biến màu	Ter
17	<i>Cleisostoma arietinum</i> (Rchb.f.) Garay	Mật khẩu đầu bò	Epi
18	<i>Cleisostoma fuerstenbergianum</i> Kraenzl.	Mật khẩu mảnh	Epi
19	<i>Cleisostoma lecongkietii</i> Tich et Aver	Mật khẩu lê công kiệt	Epi
20	<i>Cleisostoma simondii</i> (Gagnepain) Seidenfaden	Mật khẩu môi nhọn	Epi
21	<i>Coelogyne assamica</i> Linden & Rchb.f.	Thanh đạm cánh bướm	Epi
22	<i>Coelogyne fimbriata</i> Lindl.	Thanh đạm rìa	Epi
23	<i>Coelogyne moorena</i> Rolfe	Thanh đạm tuyết ngọc	Epi
24	<i>Coelogyne sanderae</i> Kraenzl. ex O'Brien	Thanh đạm cánh	Epi
25	<i>Crepidium purpureum</i> (Lindl.) Szlach.	Mai đất tím	Ter
26	<i>Cymbidium bicolor</i> Lindl.	Đoản kiếm hai màu	Ter
27	<i>Cymbidium erythrostylum</i> Rolfe.	Bạc lan	Ter
28	<i>Dendrobium anosmum</i> Lindl.	Phi điệp	Epi
29	<i>Dendrobium capillipes</i> Rchb.f.	Kim điệp	Epi
30	<i>Dendrobium cumulatum</i> Lindl.	Hoàng thảo tích tụ	Epi
31	<i>Dendrobium ellipsophyllum</i> T.Tang & F.T.Wang	Hoàng thảo hương duyên	Epi
32	<i>Dendrobium indragiriense</i> Schltr.*	Hoàng thảo indragiri	Epi
33	<i>Dendrobium macrostachyum</i> Lindl.	Từ ngọc	Epi
34	<i>Dendrobium parciflorum</i> Rchb.f. ex Lindl.	Hoàng thảo hương lan	Epi
35	<i>Dendrobium simondii</i> Gangnep.	Hoàng thảo simond	Epi
36	<i>Dendrobium uniflorum</i> Griff.	Hoàng thảo nhất hoa	Epi
37	<i>Gastrochilus yunnanensis</i> Schltr.	Hàm lân vân nam	Epi

STT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Dạng sống
38	<i>Liparis nana</i> Rolfe	Tai dê lùn	Ter
39	<i>Luisia filiformis</i> Hook.f.	Lan san hô sợi	Epi
40	<i>Luisia ramosii</i> Ames	San hô	Epi
41	<i>Nervilia concolor</i> (Blume) Schltr.	Trân châu xanh	Ter
42	<i>Nervilia fordii</i> Averyanov	Lan một lá	Ter
43	<i>Nervilia gracilis</i> Averyanov	Diệp tâm lan	Ter
44	<i>Nervilia plicata</i> (Andrews) Schltr.	Trân châu xếp	Ter
45	<i>Oberonia caulescens</i> Lindl.	Móng rùa có thân	Epi
46	<i>Oberonia griffithiana</i> Lindl.	Móng rùa griffith	Epi
47	<i>Oberonia longibracteata</i> Lindl.	Móng rùa lá bắc dài	Epi
48	<i>Panisea uniflora</i> Lindl.	Khúc thân một hoa	Epi
49	<i>Pelatantheria ctenoglossum</i> Ridl.	Bạt lan trâm, Lan môi râu	Epi
50	<i>Phalaenopsis lobbii</i> (Reichb.f.) H.R.Sweet	Tục đoạn đốt	Epi
51	<i>Pinalia acervata</i> Kuntze	Ni lan trắng	Epi
52	<i>Pinalia cochinchinensis</i> (Gagnep.) Schuit.	Ni lan nam bộ	Epi
53	<i>Pinalia dongnaiensis</i> (Gagnep.) S.C.Chen & J.J.Wood	Ni lan đồng nai	Epi
54	<i>Pinalia floribunda</i> Kuntze	Lan len nhiều hoa	Epi
55	<i>Pteroceras compressum</i> (Blume) Holttum	Môi sừng	Epi
56	<i>Rhynchostylis retusa</i> (L.) Blume	Ngọc diêm đuôi cáo	Epi
57	<i>Robiquetia succisa</i> (Lindl.) Seidenf. & Garay	Túi chùy thắt	Epi
58	<i>Robiquetia vietnamensis</i> (Guillaumin) Kocyan & Schuit.	Nhân ngư răng	Epi
59	<i>Smitinandia micrantha</i> (Lindl.) Holttum	Lan smitinan hoa nhỏ	Epi
60	<i>Taeniophyllum daroussinii</i> Tixier & Guillaumin	Căn diệp xuân lộc	Epi
61	<i>Thecostele alata</i> (Rchb.f.) Par.& Rchb.f.	Củ chén	Epi
62	<i>Thunia pulchra</i> Rchb.f.	Bạch hạc nhỏ	Ter
63	<i>Vanda denisoniana</i> Benson & Rchb.f.	Mỹ dung dạ hương	Epi
64	<i>Vanda dives</i> (Rchb.f.) L.M.Gardiner	Nhụy sừng trắng	Epi

Ghi chú: Epi: Phong lan, Lit: Thạch lan, Ter: Địa lan, *Loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam.

Họ Lan (Orchidaceae) ở Nam Bộ khá đa dạng và phong phú với 324 loài, chiếm 36,1% tổng số loài lan hiện có ở Việt Nam (897 loài) (Averyanov & Averyanova, 2013). Các chi có số lượng loài nhiều nhất ở vùng nghiên cứu gồm: chi Hoàng thảo (*Dendrobium*) có 60 loài, chiếm 18,5% tổng số loài của họ Lan hiện có ở vùng nghiên cứu; kế đến là chi Cầu diệp (*Bulbophyllum*) có 32 loài, chiếm 9,9%; tiếp theo là chi Móng rùa (*Oberonia*) và chi Thanh đạm (*Coelogyne*) mỗi chi có 14 loài, chiếm 4,3%; chi Mặt khâu (*Cleisostoma*) có 13 loài, chiếm 4,0%; chi Bàu rượu (*Calanthe*) có 9 loài, chiếm 2,8%; và sau cùng là các chi Nhãn diệp (*Liparis*), Lụi mơ (*Luisia*) và Ni lan (*Pinalia*) mỗi chi có 8 loài, chiếm 2,5%. Đặc biệt trong đó có một số loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam từ Nam Bộ trong thời gian gần đây như: Lan hoại sinh (*Didymoplexis pallens* Griff.) được phát hiện từ Vườn Quốc gia Cát Tiên và các loài Vê lan nhiều hoa (*Appendicula floribunda* (Schltr.) Schltr.), Cầu diệp (*Bulbophyllum physocoryphum* Seidenf.), Cầu diệp lá nhỏ (*Bulbophyllum tenuifolium* (Blume) Lindl.), Thạch mộc rìa môi rộng (*Dendrobium comatum* (Blume) Lindl.), Nhãn diệp đen đỏ (*Liparis*

atrosanguinea Ridl.), Nhãn diệp (*Liparis elegans* Lindl.), Móng rùa Griffith (*Oberonia griffithiana* Lindl.) được phát hiện từ Vườn Quốc gia Phú Quốc (Vuong et al., 2018, 2019a, 2019b).

3.3. Đa dạng về dạng sống

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) ở Nam Bộ rất đa dạng, phân bố ở nhiều dạng sinh cảnh khác nhau, một loài có thể có một hoặc hai dạng sống khác nhau (Bảng 2). Nhóm dạng sống có số lượng loài nhiều nhất là Phong lan (Epi) với 247 loài, chiếm 76,2% tổng số loài trong vùng nghiên cứu, nhóm này thường sống bám vào các cây gỗ lớn trong các rừng thường xanh ẩm; kế đến là nhóm Địa lan (Ter) có 60 loài, chiếm 18,5%, nhóm này thường mọc trên đất có tầng thảm mục ẩm hoặc đất thịt dưới tán rừng; kém đa dạng nhất là nhóm vừa Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter) chỉ có 2 loài, chiếm 0,6%. Như vậy, nhóm Phong lan (Epi) chiếm tỷ lệ cao nhất (76,2%) tổng số loài trong số các dạng sống hiện có của họ Lan ở vùng nghiên cứu, góp phần làm tăng tính đa dạng cho hệ thực vật ở Nam Bộ nói riêng và cả Việt Nam nói chung.

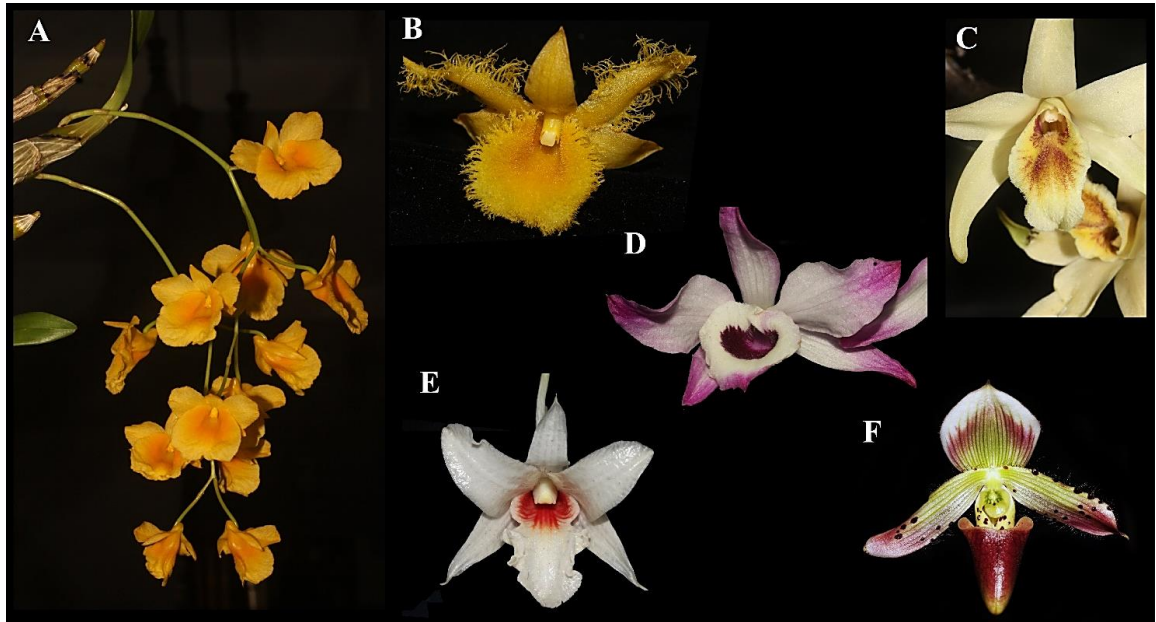
Bảng 2. Thống kê số lượng loài thuộc các nhóm dạng sống của họ Lan (Orchidaceae)

STT	Nhóm dạng sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Phong lan (Epi)	247	76,2
2	Địa lan (Ter)	60	18,5
3	Lan hoại sinh (Sap)	4	1,2
4	Thạch lan (Lit) và Phong lan (Epi)	8	2,5
5	Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter)	3	0,9
6	Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter)	2	0,6
Tổng cộng		324	100

3.4. Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Việc xác định các loài lan nguy cấp đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong công tác bảo tồn nguồn gen và phát triển bền vững nguồn tài nguyên đặc biệt có giá trị này. Từ kết quả nghiên cứu, có 10 loài lan (chiếm 3,1% tổng số loài) ở Nam Bộ có giá trị bảo tồn theo Sách đỏ Việt Nam – Phần Thực vật (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007), trong đó có 8 loài được xếp ở thứ hạng Nguy cấp (EN) là Xích hủ thân mập (*Agrostophyllum planicaule*), Kim điệp (*Dendrobium chrysotoxum*), Ngọc vạn pha lê (*Dendrobium crystallinum*), Thủy tiên tua (*Dendrobium harveyanum*), Nhất điền hoàng (*Dendrobium heterocarpum*), Thạch mộc

(*Dendrobium nobile*), Cánh sét (*Dendrobium ochraceum*), Nỉ lan Đồng Nai (*Pinalia dongnaiensis*) và 2 loài được xếp ở thứ hạng Sẽ nguy cấp (VU) là Nhất điền hồng (*Dendrobium draconis*), Thủy tiên trắng (*Dendrobium farmeri*), đây là những loài có vùng phân bố hẹp nhưng thường bị tác động về môi trường sống và luôn bị khai thác vì mục đích thương mại. Theo Nghị định 06 của Chính phủ, vùng nghiên cứu có 1 loài là Vân hải (*Paphiopedilum callosum*) được xếp trong nhóm IA- nhóm nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, và các loài còn lại thuộc nhóm IIA theo Nghị định này. Còn theo CITES thì loài Vân hải (*Paphiopedilum callosum*) nằm trong phụ lục I và 323 loài nằm trong phụ lục II của công ước này.



Hình 2. Một số loài lan quý hiếm trong vùng nghiên cứu

A. *Dendrobium chrysotoxum* Lindl.; B. *Dendrobium harveyanum* Reichb. f.; C. *Dendrobium heterocarpum* Lindl.; D. *Dendrobium nobile* Lindl.; E. *Dendrobium draconis* Reichb. f.; F. *Paphiopedilum callosum* (Reichb. f.) Stein (ảnh chụp bởi Trương Bá Vương)

3.5. Đa dạng về giá trị sử dụng

Đa số các loài trong họ Lan ở Nam Bộ đều có giá trị kinh tế và thương mại, được sử dụng làm cảnh, chúng thường cho màu sắc đẹp và hương thơm. Kết quả nghiên cứu cũng đã xác định được 22 loài (chiếm 6,8% tổng số loài) có giá trị dược liệu gồm: A cam sóng (*Acampe carinata*), A cam cứng (*Acampe rigida*), Tổ yến Java (*Acriopsis liliifolia*), Giáng hương (*Aerides falcata*), Vệ lan móng (*Appendicula cornuta*), Lan sậy (*Arundina graminifolia*), Cầu diệp thơm (*Bulbophyllum odoratissimum*), Kiều lan xếp ba (*Calanthe triplicata*), Đoạn kiếm lô hội (*Cymbidium aloifolium*), Thanh ngọc (*Cymbidium ensifolium*), Thạch học lá girom (*Dendrobium acinaciforme*), Hồng cầu (*Dendrobium aduncum*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*), Lan ý thảo (*Dendrobium gratiosissimum*), Hoàng thảo (*Dendrobium nobile*), Hà biện lưỡi đỏ (*Habenaria rhodocheila*), Lan một lá (*Nervilia fordii*), Bạch phượng (*Pecteilis susannae*), Tục đoạn kẻ (*Pholidota articulata*), Tục đoạn kết hợp (*Pholidota imbricata*), Ngọc điểm đuôi cáo (*Rhynchostylis retusa*) và Lan đất bông ngắn (*Tropidia curculigoides*). Đáng chú ý, là các loài Tổ yến Java (*Acriopsis liliifolia*), Vệ lan móng (*Appendicula cornuta*), Tuyết mai (*Dendrobium crumenatum*) và Lan đất bông ngắn (*Tropidia curculigoides*) bị người dân thu hái nhiều cho mục đích làm thuốc để chữa các bệnh như sốt, đau tai, dịch tả và sốt rét; còn các loài Giáng hương (*Aerides falcata*), Đoạn kiếm lô hội (*Cymbidium aloifolium*), Thanh ngọc (*Cymbidium ensifolium*), Lan ý thảo (*Dendrobium gratiosissimum*), Hoàng thảo (*Dendrobium nobile*) và Ngọc điểm đuôi cáo (*Rhynchostylis retusa*) bị khai thác cho mục đích thương mại do có hoa đẹp, thơm, to và cụm hoa dài mang nhiều hoa. Do đó, cần có chính sách ưu tiên bảo tồn và phát triển bền vững để tránh mất đi nguồn tài nguyên quý giá này ở hiện tại và trong tương lai.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu đã xác định được họ Lan (Orchidaceae) ở Nam Bộ có 324 loài thuộc 84 chi. Trong đó, tất cả các loài đều có giá trị làm cảnh, 22 loài có giá trị dược liệu, 10 loài trong Sách đỏ Việt Nam – Phần Thực vật (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2007), 1 loài trong phụ lục IA và 323 loài trong phụ lục IIA của Nghị định 06/2019/NĐ-CP (Chính phủ Việt Nam, 2019), 1 loài trong phụ lục I và 323 loài trong phụ lục II của CITES.

Dạng sống của các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae) được chia làm 6 nhóm gồm: Phong

lan (Epi) có 247 loài, Địa lan (Ter) có 60 loài, Lan hoại sinh (Sap) có 4 loài, Thạch lan (Lit) và Phong lan (Epi) có 8 loài, Thạch lan (Lit) và Địa lan (Ter) có 3 loài, Phong lan (Epi) và Địa lan (Ter) có 2 loài.

Ghi nhận mới 1 loài là Hoàng thảo indragiri (*Dendrobium indragiriense* Schltr.) cho hệ thực vật Việt Nam, và bổ sung 64 loài cho họ Lan trong hệ thực vật Nam Bộ.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một với đề tài có mã số 536/HĐ-NCKHPTCN tháng 12/2019. Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Averyanov, L., Cribb, P.J., Phan, K.L. & Nguyen, T.H. (2003). *Slipper Orchids of Vietnam: with an Introduction to the Flora of Vietnam*. Kew. Royal Botanic Gardens.
- Averyanov, L. and Averyanova, A.L. (2003). *Updated Checklist of the Orchids of Vietnam*. Vietnam National University Publishing House.
- Averyanov, L. (2013). *The Orchids Of Vietnam Illustrated Survey, Part 4. Subfamily Epidendroideae*. Turczaninowia, pp.5–163.
- Bộ Khoa học và Công nghệ (2007). *Sách Đỏ Việt Nam - Phần thực vật*. Nhà xuất bản Khoa học và Công Nghệ. Hà Nội, trang 399–478.
- Chính phủ Việt Nam (2019). Nghị định về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Số 06/2019/NĐ-CP). http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=196022
- CITES (2019). Appendices I, II & III. <https://cites.org/sites/default/files/eng/app/2019/E-Appendices-2019-11-26.pdf>
- Cribb, P. (1998). *The Genus Paphiopedilum*. Royal Botanic Gardens Kew. London.
- Dương Đức Huyền (2007). *Thực vật chí Việt Nam (Họ Lan – Orchidaceae)*. Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội.
- Đặng Văn Sơn (2012). Họ Quao (Bignoniaceae Juss. 1789) trong hệ thực vật Nam bộ Việt Nam. *Tạp chí Sinh học*, 34 (3SE): 40–50.
- Đặng Văn Sơn, Trương Bá Vương, Nguyễn Thị Mai Hương, Hoàng Nghĩa Sơn, Mai Trường, Nguyễn Hồng Quân và Lê Minh Dũng (2017). Đa dạng họ Lan (Orchidaceae) ở Vườn Quốc gia Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, 12 (12): 24–31.

- Đỗ Tất Lợi (2009). *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
- Gagnepain, F and Guillaumin, A. (1934). Orchidaceae & Apostasiaceae. In H. Lecomte (ed.), *Flore Générale de l'Indochine*, Vol 6 (pp.142–647). Mason et Cie, Paris.
- Karthigeyan, K., Jayanthi, J., Sumathi, R. & Jalal J.S. (2014). A review of the orchid diversity of Andaman & Nicobar Islands, India. *Richardiana*, 15, 9–85.
- Lê Xuân Ái & Trần Đình Huệ (2013). Bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học cho sự phát triển bền vững Côn Đảo. Trong Trần Minh Hợi & Nguyễn Văn Sinh (Chủ biên), *Báo cáo Hội nghị toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần 5* (trang 353–359). Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
- Lưu Hồng Trường, Võ Văn Sung, Vũ Ngọc Quang, Lê Bi, Nguyễn Quốc Đạt, Đinh Nhật Lâm, Nguyễn Lê Xuân Bách, Ngô Sinh Khung, Lê Văn Sơn, Nguyễn Bá Xuân và Nguyễn Văn Quyết (2012). *Điều tra, giám sát các loài Thực vật (Dầu cát, Sến, Gõ đờ), khảo sát và giám sát vùng phân bố của 3 kiểu sinh cảnh quan trọng và xây dựng bộ tiêu bản thực vật của Khu BTTN Bình Châu – Phước Bửu*. Báo cáo kỹ thuật.
- Nguyễn Tiến Bản, L.V. Averyanov & Dương Đức Huyền (2005). Orchidaceae Juss. 1789 – Họ Lan. Trong Nguyễn Tiến Bản (chủ biên). *Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 3* (trang 512–666). Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
- Nguyễn Thiện Tịch (2001). *Lan Việt Nam*, quyển 1. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Hoàng Hộ (2003). *Cây cỏ Việt Nam*, quyển 3. Nhà xuất bản Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 760–968.
- Phạm Hoàng Hộ (2006). *Cây cỏ vị thuốc ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Trẻ. Thành phố Hồ Chí Minh, trang 649–654.
- Phân Viện điều tra quy hoạch rừng Nam Bộ (SubFIPI) (2009). *Điều tra xây dựng danh lục và tiêu bản thực vật rừng ở Khu bảo tồn thiên nhiên và Di tích Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai*. Báo cáo khoa học.
- Phân Viện điều tra quy hoạch rừng Nam Bộ (SubFIPI) (2010). *Điều tra bổ sung danh lục thực vật và thảm thực vật rừng VQG Cát Tiên - Chương trình Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn quốc gia Cát Tiên, giai đoạn 2011–2020*. Báo cáo khoa học.
- Sterling, E.J., Hurley, M.M. and L.D.Minh (2007). *Lịch sử tự nhiên của Việt Nam*. Yale University Press New Haven and London, trang 277–333.
- Trần Hợp (1998). *Phong lan Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh.
- Viện Sinh học nhiệt đới (ITB) (2010a). *Điều tra, giám sát một số loài và sinh cảnh quan trọng tại VQG Bù Gia Mập*. Báo cáo khoa học.
- Viện Sinh học nhiệt đới (ITB) (2010b). *Điều tra đánh giá hiện trạng tài nguyên động thực vật Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát*. Báo cáo khoa học.
- Võ Văn Chi (2012). *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, tập 1, 2. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
- Vuong, T.B., Cootes, J., Tam, T.Q. & Son, D.V. (2018). *Liparis atrosanguinea* Ridl. (Orchidaceae) - A New Record for Vietnam in Phu Quoc Park, Kiên Giang Province. *Die Orchidee*, 4(1): 1–6.
- Vuong, T.B., Dung, L.M., Quan, N.H., Hau, N.P. & Cootes J. (2019a). New records of three miniature Orchids from Phu Quoc National Park, Vietnam. *Die Orchidee*, 5(5): 35–43.
- Vuong, T.B., Ormerod, P., Cootes, J. & Dung, L.M. (2019b). New records for the Orchid Flora of Vietnam from Phu Quoc National Park. *Malesian Orchid Journal*, 23: 113–119.
- The Plant List (2013). Version 1.1. Published on the Internet; <http://www.theplantlist.org/> (Accesses: 09/10/2020).
- <https://wmsp.science.kew.org> (Accesses: 12/10/2020).